TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN HẢI CHÂU
THÀNH PHỐ ĐÀ NẴNG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 71/2017/HNGĐ-ST
Ngày: 29- 9 -2017
V/v tranh chấp "Ly hôn"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN HẢI CHÂU, THÀNH PHỐ ĐÀ NẴNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Bà **Đỗ Thị Thúy Năng.**

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông **Huỳnh Thanh Trà.**

2. Ông **Huỳnh Tiễn.**

- Thư ký phiên tòa: Bà **Phạm Lê Mai Ly**, Thư ký Tòa án, Toà án nhân dân quận Hải Châu, thành phố Đà Nẵng.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Hải Châu, thành phố Đà Nẵng tham gia phiên toà: Bà **Ngô Thị Thảo Nguyên** - Kiểm sát viên.

Ngày 29 tháng 9 năm 2017, tại Trụ sở Tòa án nhân dân quận Hải Châu, thành phố Đà Nẵng xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 128/2017/TLST-HNGĐ ngày 25 tháng 5 năm 2017 về tranh chấp *"Ly hôn"* theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 64/2017/QĐXXST-HNGĐ ngày 29 tháng 8 năm 2017 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 49/2017/QĐST-HNGĐ ngày 14 tháng 9 năm 2017 giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn*: Bà **H** - sinh năm 1977.

Địa chỉ: Đường D, phường M, quận N, thành phố Đà Nẵng, (có mặt).

2. *Bị đơn*: Ông **M** - sinh năm 1966.

Địa chỉ: Đường N, phường B, quận H, thành phố Đà Nẵng, (vắng mặt lần 2).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Bà H và ông M kết hôn vào năm 1996, đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường N, thành phố Đà Nẵng, tỉnh Quảng Nam - Đà Nẵng (cũ) hôn nhân trên cơ sở tự nguyện. Sau khi kết hôn, vợ chồng sống tại : Đường N, phường B, quận H, thành phố Đà Nẵng .

Trong quá trình chung sống, bà H cho rằng đời sống vợ chồng phát sinh nhiều mâu thuẫn, nguyên nhân do ông M không tin tưởng bà, thường xuyên ghen tuông vô cớ, sử dụng bạo lực đối với bà. Mâu thuẫn trầm trọng nên bà tự sống ly thân từ tháng 9 năm 2015 cho đến nay. Nay do tình cảm vợ chồng không còn nên bà H yêu cầu Tòa án giải quyết cho bà ly hôn với ông M.

Về con chung: Bà H xác định vợ chồng có hai con chung tên A - sinh ngày 04 tháng 06 năm 1997 và tên Q - sinh ngày 21 tháng 4 năm 2005.

Ly hôn, bà H có nguyện vọng được trực tiếp nuôi con chung tên Q và không yêu cầu ông M cấp dưỡng nuôi con. Đối với con chung tên A đã thành niên nên không đề cập đến.

* Về tài sản chung: Bà H xác định không có tài sản chung.

* Về nợ chung: Bà H xác định không có nợ chung.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

[1] Về tố tụng: Ông M đã được Tòa án triệu tập hợp lệ đến phiên tòa lần 2, nhưng ông M vắng mặt không có lý do, HĐXX căn cứ vào khoản 2 Điều 227 Bộ Luật tố tụng dân sự xét xử vắng mặt ông M.

[2] Về nội dung: Bà H và ông M kết hôn vào năm 1996, đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường N, thành phố Đà Nẵng, tỉnh Quảng Nam - Đà Nẵng (cũ), hôn nhân trên cơ sở tự nguyện. Đây là hôn nhân hợp pháp nên được pháp luật công nhận và bảo vệ.

Trong quá trình chung sống, vợ chồng phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân theo bà H là do ông M thường xuyên ghen tuông vô cớ, sử dụng bạo lực với bà H. Mâu thuẫn trầm trọng nên bà H và ông M tự sống ly thân hơn hai năm nay.

Tại phiên tòa, bà H xác định tình cảm vợ chồng không còn, yêu cầu Tòa án giải quyết cho bà được ly hôn với ông M.

Xét yêu cầu xin ly hôn của bà H thì thấy: Tại đơn xác nhận ngày 29/6/2017, bà H trình bày vào tối ngày 28/8/2015 bà bị ông M sử dụng dao gây thương tích tại quán cà phê số E, đường K, phường H, quận H, thành phố Đà Nẵng và sự việc được Công an phường H xác nhận đã thụ lý hồ sơ và ra quyết định xử phạt hành chính đối với

ông M về hành vi trên. Như vậy, mâu thuẫn vợ chồng đã trầm trọng, hôn nhân chỉ tồn tại trên thực tế, vợ chồng sống ly thân từ đó cho đến nay, mục đích hôn nhân không đạt được. Do vậy, HĐXX thấy cần chấp nhận yêu cầu ly hôn của bà H là phù hợp với quy định tại Điều 56 của Luật hôn nhân và gia đình.

Về con chung: Bà H và ông M có hai con chung tên A- sinh ngày 04 tháng 06 năm 1997 và tên Q - sinh ngày 21 tháng 4 năm 2005.

Tại phiên tòa, bà H có nguyện vọng được trực tiếp nuôi dưỡng con chung tên Q và không yêu cầu ông M cấp dưỡng nuôi con.

Xét yêu cầu của bà H về việc nuôi con thì thấy: Hiện nay, cháu Q đang sống với bà H, nguyện vọng của cháu Q sau khi ba mẹ ly hôn, được sống chung với bà H Do vậy, HĐXX thấy cần áp dụng các điều 58, 81, 82, 83 Luật hôn nhân và gia đình giao cháu Q cho bà H trực tiếp nuôi dưỡng là phù hợp.

Đối với việc cấp dưỡng nuôi con chung bà H không yêu cầu, nên ông M không phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Đối với con chung tên A đã trên 18 tuổi nên không đề cập đến.

Về tài sản chung: Bà H xác định ông bà không có tài sản chung, nên không đề cập đến.

Về nợ chung: Bà H xác định ông bà không có nợ chung, nên không đề cập đến.

Trong quá trình giải quyết vụ án, bị đơn ông M đã được Tòa án triệu tập hợp lệ đến tòa tham gia phiên hòa giải nhiều lần nhưng ông M không đến nên không xác định được nguyện vọng của ông M.

[3] Án phí HNGĐ - ST bà H phải chịu: 300.000đ, nhưng được khấu trừ vào 300.000đ tạm ứng án phí HNGĐ bà H đã nộp theo biên lai thu số 9404 ngày 25/5/2017 tại Chi cục Thi hành án dân sự quận Hải Châu, Tp Đà Nẵng.

Tại phiên tòa hôm nay, Kiểm sát viên phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử; việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng dân sự, kể từ khi thụ lý vụ án cho đến

trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án và phát biểu ý kiến về việc giải quyết vụ án như sau: Đề nghị HĐXX áp dụng Điều 56, 58, 81, 82 và 83 Luật hôn nhân và gia đình: Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của bà H đối với ông M; Về con chung: giao con chung tên Q - sinh ngày 21 tháng 4 năm 2005 cho bà H trực tiếp nuôi dưỡng, ông M không phải cấp dưỡng nuôi con. Đối với con chung tên A sinh ngày 04 tháng 06 năm 1997 đã thành niên nên không đề cập đến; Về tài sản chung và nợ chung: không có.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào:

- Khoản 2 Điều 227 BLTTDS;

- Điều 56, 58, 81, 82 và 83 Luật hôn nhân và gia đình.

- Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà H về việc: *"Ly hôn"* với ông M.

Xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Bà H được ly hôn với ông M.

2. Về quan hệ con chung: Giao con chung tên Q - sinh ngày 21 tháng 4 năm 2005 cho bà H trực tiếp nuôi dưỡng. Ông M không phải cấp dưỡng nuôi con.

Con chung tên A - sinh ngày 04 tháng 06 năm 1997 đã trên 18 tuổi không đề cập đến.

Các bên đương sự vẫn có các quyền và nghĩa vụ đối với con chung theo qui định của pháp luật.

Về tài sản chung: Bà H xác định không có, nên không đề cập đến.

Về nợ chung: Bà H xác định không có, nên không đề cập đến.

3. Án phí HNGĐ - ST: 300.000đ bà H phải chịu, nhưng được khấu trừ vào 300.000đ tạm ứng án phí HNGĐ bà H đã nộp theo biên lai thu số 9404 ngày

25/5/2017 tại Chi cục Thi hành án dân sự quận Hải Châu, Tp Đà Nẵng. Bà H đã nộp đủ án phí HNGĐ - ST.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự , người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6,7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Án xử công khai sơ thẩm, bà H có mặt được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Ông M vắng mặt được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận (hoặc niêm yết) trích sao bản án.

Nơi nhận:
- Đương sự;
- VKSND quận Hải Châu;
- UBND phường N;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ

(Đã ký)

Đỗ Thị Thúy Năng